

Bản án số: 47/2017/HC-ST

Ngày: 26 - 9- 2017

V/v “Kiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai đối tượng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RIA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Liên
2. Ông Nguyễn Phi Trường

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng Lê Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu: Bà Vũ Thị Thoa- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 59/2017/TLST- HC ngày 03 tháng 8 năm 2017, về việc khởi kiện: “Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910781 do UBND huyện C cấp ngày 04/10/2012 đứng tên bà Huỳnh Thi K”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXXST-HC ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trương Văn P, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (ông P, bà T có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 46, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 50, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số 70 Trần Hưng Đạo, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Công V –Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Văn D –Chức vụ: Phó trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (Theo Văn bản số 2369/UBND-VP ngày 22/8/2017) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 46, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

4. Người làm chứng:

- Ông Võ Văn G, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 46, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Ông Lê Bình L, sinh 1941(vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 50, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN

Thửa đất số 55, tờ bản đồ địa chính số 07 có diện tích 8.441 m² (theo bản đồ số hoá năm 2009) thuộc địa phận xã B, huyện C do hộ ông Trương Văn P canh tác, sử dụng từ năm 1979 tới nay.

Ngày 26/12/2000, Ủy ban nhân dân (sau đây gọi là UBND) huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi là GCNQSD đất) số R538061 cho hộ ông Huỳnh Văn R đối với diện tích 10.378 m², gồm 03 thửa là thửa 51, thửa 53 và thửa số 55, tờ bản đồ địa chính số 07 có diện tích 8.441 m² nêu trên.

Năm 2006, ông Trương Văn P tiến hành làm thủ tục xin cấp GCNQSD đất diện tích thửa 55 đang sử dụng nêu trên, thì được biết thửa đất này đã được UBND huyện C cấp nhằm cho ông Huỳnh Văn R vào năm 2000.

Năm 2012, ông Huỳnh Văn R chết, bà Huỳnh Thị K là con gái của ông R được hưởng thừa kế toàn bộ diện tích đất 10.378 m². Ngày 04/10/2012, UBND huyện C cấp GCNQSD đất cho bà K toàn bộ diện tích đất này, trong đó có thửa đất số 55, diện tích 8.441 m², tờ bản đồ số 07 xã B theo GCNQSD đất số BL 910781.

Ngày 09/3/2017, ông P gửi đơn đến UBND huyện C yêu cầu xem xét việc cấp giấy GCNQSD đất số BL 910781 cho bà K.

Ngày 29/6/2017, UBND huyện C có Văn bản số 1848/UBND-TNMT hướng dẫn ông P khởi kiện tại cơ quan Tòa án theo đúng thẩm quyền.

Ngày 12/7/2017, ông P, bà T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đối với UBND huyện C về việc đã cấp GCNQSD đất số BL 910781 cho bà K là không đúng đối tượng, yêu cầu Tòa án xem xét:

- Hủy Giấy CNQSD đất số BL 910781 do UBND huyện C cấp ngày 04/10/2012 đứng tên bà Huỳnh Thị K đối với thửa đất số 55 tờ bản đồ số 07 tại xã B, huyện C, để UBND huyện C cấp giấy diện tích đất này cho ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị T.

Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Năm 1979, ông Trương Văn P và vợ là bà Nguyễn Thị T tiến hành khai phá và sử dụng diện tích đất có tứ cận bắc giáp đất ông Huỳnh Văn R (nay là đất bà Huỳnh Thị K), đông giáp đất ông Hồ Việt I, nam giáp đất ông Nguyễn Văn Y, tây giáp đất ông Phan Văn M (nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ địa chính số 07 diện tích 8.441 m² tại xã B, huyện C). Quá trình sử dụng đất ổn định, không xảy ra tranh chấp với ai từ năm 1979 đến nay, trên đất ông P trồng cây tiêu và cây cà phê, ngoài ra có nhà cấp 4 (nhà tình thương do UBND xã B xây dựng tặng cho gia đình ông P).

Năm 2006, ông P biết được thửa đất đang sử dụng đã được UBND huyện C cấp nhậm GCNQSD đất cho ông Huỳnh Văn R vào năm 2000.

Sau đó ông P, ông H và trưởng thôn A là ông Lê Bình L và trưởng ban mặt trận là ông Võ Văn G có cùng đến gặp ông Huỳnh Văn R để nói chuyện về việc cấp GCNQSD đất này. Ông R thời điểm đó đã đồng ý với việc UBND huyện cấp nhậm GCNQSD đất cho ông R, tuy nhiên vì ông R đã sử dụng GCNQSD đất đi vay vốn ngân hàng, nên ông R đã hứa với ông P đến tháng 10/2006 khi ngân hàng đáo hạn sẽ cầm GCNQSD đất lên UBND huyện C để chỉnh lý, trả lại đất cho ông P. Vì tin tưởng lời hứa này nên hai bên không lập biên bản, chỉ nói miệng và do là tình làng nghĩa xóm nên ông P không đi khiếu nại gì về vụ việc, tuy nhiên từ đó đến nay ông R (sau này là bà K) vẫn không thực hiện.

Theo văn bản ý kiến của người bị kiện –UBND huyện C trình bày:

Theo hồ sơ địa chính đang lưu trữ thể hiện: Thửa đất số 55, tờ bản đồ địa chính số 07 trước đây có diện tích là 8.450 m² thuộc địa phận thị trấn N, huyện C; diện tích theo bản đồ địa chính số hóa năm 2009 là 8.441 m² thuộc địa phận xã B, huyện C.

Ngày 20/10/2000, thửa đất này được ông Huỳnh Văn R kê khai đăng ký sử dụng cùng với các thửa đất số 51, 53 tờ bản đồ địa chính số 07 (tổng diện tích của 03 thửa đất này mà ông Huỳnh Văn R kê khai đăng ký là 10.378 m²), đã được UBND thị trấn N xác nhận “Đủ điều kiện cấp GCNQSD đất” ngày 24/11/2000.

Ngày 26/12/2000, UBND huyện C cấp GCNQSD đất số R538061 cho hộ ông Huỳnh Văn R diện tích 10.378 m² gồm các thửa đất số 51/1.200m², thửa 53/728m² và thửa 55/8.450m², tờ bản đồ địa chính số 07, thị trấn N (nay thuộc địa phận xã B).

Ông Huỳnh Văn R mất ngày 23/7/2012.

Ngày 27/8/2012, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện C đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất kèm theo “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản” cho bà Huỳnh Thị K sau khi ông Huỳnh Văn R qua đời. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được Văn phòng công chứng U công chứng ngày 27/8/2012. Di sản thừa kế là quyền sử dụng các thửa đất số 51, 53 và 55 tờ bản đồ địa chính số 07, xã B của ông Huỳnh Văn R theo GCNQSD đất số R538061 cấp ngày

26/12/2000. Sau khi hoàn thành thủ tục nhận thừa kế, ngày 04/10/2012 bà Huỳnh Thị K đã được UBND huyện cấp (03) GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, gồm:

+ Giấy chứng nhận QSD đất số BL 910781 ngày 04/10/2012 đối với phần diện tích 8.441 m² thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ địa chính số 07, xã B.

+ Giấy chứng nhận QSD đất số BL 910782 ngày 04/10/2012 đối với phần diện tích 732 m² thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ địa chính số 07, xã B.

+ Giấy chứng nhận QSD đất số BL 910783 ngày 04/10/2012 đối với phần diện tích 1.210 m² thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ địa chính số 07, xã B.

Qua kết quả kiểm tra, rà soát về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thể hiện theo hồ sơ địa chính lưu trữ đã nêu trên, cho thấy:

- Đến nay Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C chưa tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất nào liên quan đến GCNQSD đất nêu trên.

- Việc cấp GCNQSD đất cho Huỳnh Văn R trước đây và quá trình giải quyết hồ sơ thừa kế QSD đất cho bà Huỳnh Thị K sau này đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ địa chính số 07, xã B đều được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Vì tại thời điểm cấp giấy cho ông R năm 2000 thì không có sự trình báo nào về việc cấp không đúng đối tượng, khi thực hiện thủ tục thừa kế thì Văn bản thỏa thuận qua công chứng xác nhận, nên chính quyền không nắm được thông tin.

Tuy nhiên, qua kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất thì phần diện tích thửa 55 do gia đình ông Trương Văn P đang trực tiếp canh tác, sử dụng, hiện trạng có 01 căn nhà cấp 4 (nhà tình thương) với diện tích xây dựng khoảng 100 m², diện tích sân phơi (xi măng) khoảng 60 m², chuồng trại chăn nuôi khoảng 30 m²; phần diện tích còn lại trồng cây tiêu, cà phê và một số cây trồng khác, không ai tranh chấp.

Mặt khác, trước đây ông Trương Văn P đã có đơn ghi ngày 09/3/2017 gửi UBND huyện đề nghị thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất cấp nhầm cho ông Huỳnh Văn R đối với phần diện tích nêu trên. Nhưng qua rà soát hồ sơ địa chính thì nội dung kiến nghị của ông P không thuộc thẩm quyền của UBND huyện theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, vì người được cấp giấy ông R đã chuyển quyền sử dụng đất do bà K đứng tên thừa kế hiện nay.

Do đó, UBND huyện đề nghị TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu xem xét giải quyết. UBND huyện sẽ thực hiện nội dung theo bản án hoặc quyết định của cơ quan Tòa án theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị K trình bày:

Ông Huỳnh Văn R là bố của bà Huỳnh Thị K, sau khi ông R mất, bà K được hưởng thừa kế của ông R là các thửa đất số 51,53 và 55 tờ bản đồ số 07 xã B, trong

đó UBND huyện C đã cấp nhầm thửa số 55 cho ông R (nay đứng tên bà K). Thực tế thửa đất này do gia đình ông P và bà T sử dụng từ trước đến nay, gia đình bà và gia đình ông P, bà T không xảy ra tranh chấp trên thực địa. Tuy nhiên, năm 2006 việc thỏa thuận giữa ông R và ông P là thỏa thuận miệng, không có đại diện UBND huyện C xuống làm việc với gia đình bà, do đó gia đình bà vẫn chưa thực hiện việc chỉnh lý GCNQSD đất cho ông P.

Nay bà đồng ý trả lại GCNQSD đất để UBND huyện thực hiện việc chỉnh lý thửa số 55 đứng tên hộ ông P cho đúng quy định pháp luật.

Đối với vụ việc ông P, bà T khởi kiện UBND huyện C, bà K không có yêu cầu độc lập.

Người làm chứng ông Võ Văn G và ông Lê Bình L cùng trình bày:

Vào năm 2006, ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị tổ hòa giải thôn giải quyết việc ông Huỳnh Văn R đã được cấp GCNQSD đất thửa đất mà ông P, bà T đang thực tế sử dụng, sản xuất. Sau khi nhận đơn, ông G (trưởng ban mặt trận) và ông L (trưởng thôn) cùng ông Nguyễn Văn H và ông Trương Văn P có đến gặp ông Huỳnh Văn R. Qua làm việc với gia đình ông R, thì ông R có thừa nhận là biết sự việc UBND huyện C đã cấp nhầm GCNQSD thửa đất của gia đình ông P đang sử dụng cho gia đình ông. Tuy nhiên, do lúc này GCNQSD đất ông R đang đi vay vốn ngân hàng nên không thể làm thủ tục chỉnh lý ngay cho ông P được, do đó ông R có hứa là đến cuối năm khi đáo hạn ngân hàng sẽ rút GCNQSD đất ra và làm thủ tục trả lại GCNQSD đất cho ông P. Thực tế diện tích đất tại thửa đất số 55 tờ bản đồ số 07 xã B do vợ chồng ông P, bà T sử dụng ổn định từ năm 1979 đến nay, không xảy ra tranh chấp với ai trên thực địa.

Từ năm 2006 đến nay thì gia đình ông R (nay là bà K) vẫn chưa cùng với ông P thực hiện thủ tục chỉnh lý đất cho đúng với thực tế sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, thẩm phán, hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Theo các chứng cứ có trong hồ sơ được các bên đương sự thừa nhận, có cơ sở xác định diện tích đất 8.441m² thửa đất số 55, tờ bản đồ số 07 xã B thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông P, bà T, có nguồn gốc do gia đình ông P khai phá canh tác, sử dụng ổn định từ năm 1979 đến nay, không xảy ra tranh chấp với ai trên thực địa. Do vậy, ngày 26/12/2000 Ủy ban nhân dân huyện C cấp GCNQSD đất số R538061 cho hộ ông Huỳnh Văn R, trong đó có phần diện tích 8.441m² thửa 55 tờ bản đồ địa chính số 07, thị trấn N (nay thuộc địa phận xã B), là không đúng đối tượng. Đến ngày 04/10/2012, Ủy ban nhân dân huyện C tiếp tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BL 910781 đối với phần diện tích 8.441 m² này cho bà Huỳnh Thị K do được hưởng thừa kế của ông R, cũng là không đúng đối tượng.

Tại phiên tòa hôm nay bà K cũng xác nhận có việc cấp nhầm này và đồng ý hủy giấy chứng nhận số BL 910781 đã cấp cho bà đối với thửa đất số 55 diện tích 8.441 m² tờ bản đồ địa chính số 07, để cấp lại cho ông P, bà T.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 luật Tố tụng hành chính chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời có văn bản nêu ý kiến, quan điểm và có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tham gia phiên tòa. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 157, 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910781 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/10/2012, là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 12/7/2017, ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện C về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910781 không đúng đối tượng, là còn thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910781 do UBND huyện C cấp ngày 04/10/2012 đứng tên bà Huỳnh Thị K, như sau:

Về trình tự, thủ tục thẩm quyền ban hành: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910781 do UBND huyện C cấp ngày 04/10/2012 được ban hành đúng thủ tục, trình tự và thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai, Luật khiếu nại.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh Thị K là người được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910781 ngày 04/10/2012 đối với thửa 55, tờ bản đồ địa chính số 07, xã B tiếp tục thừa nhận việc cấp giấy này đứng tên bà là không đúng đối tượng, bởi thửa đất này do gia đình ông Trương Văn P canh tác, sử dụng từ năm 1979 liên tục ổn định cho tới nay, phía gia đình ông R, bà K từ trước đến nay không có sử dụng diện tích đất này, cũng không có tranh chấp. Diện tích đất gia đình bà K sử dụng từ trước đến nay là thửa 51, thửa 53 và phần đất khác chưa được cấp giấy, không có thửa 55 hiện gia đình ông P đang sử dụng. Do vậy bà K đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910781 để cấp cho gia đình ông P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện C cũng xác nhận việc cấp GCNQSD đất nêu trên là không đúng đối tượng, tuy nhiên do người được cấp giấy là ông R đã chuyển quyền sử dụng, hiện đang đứng tên bà K. Nên, Ủy ban nhân dân huyện không tự thu hồi giấy chứng nhận trong trường hợp này theo quy

định tại khoản 5, 6 Nghị định 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Do vậy đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910781 do UBND huyện C cấp ngày 04/10/2012 sai đối tượng, đề Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện việc cấp lại cho gia đình ông P, bà T theo đúng quy định.

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ phù hợp với ý kiến các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy: Ông P, bà T là đối tượng sử dụng đất, đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 8.441m² thửa đất số 55, tờ bản đồ số 07, xã B. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện C công nhận diện tích đất này cho hộ ông Huỳnh Văn R theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 538061 ngày 26/12/2000, là không đúng đối tượng. Tuy nhiên, hiện nay diện tích đất này đứng tên bà Huỳnh Thị K theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910781 cấp ngày 04/10/2012, do hưởng thừa kế của ông R.

Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 luật Tổ tụng hành chính để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P và bà T, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910781 do UBND huyện C cấp ngày 04/10/2012 đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ địa chính số 07, xã B đứng tên bà Huỳnh Thị K, đề Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị T theo quy định pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013;

Khoản 5, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị T khởi kiện đối với Ủy ban nhân dân huyện C về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910781 ngày 04/10/2012 đứng tên bà Huỳnh Thị K là không đúng đối tượng.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 910781 do UBND huyện C cấp ngày 04/10/2012 đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ địa chính số 07, xã B đứng tên bà Huỳnh Thị K.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ địa chính số 07, xã B theo đúng quy định pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Trương Văn P và bà Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005733 ngày 26/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 26/9/2017 (đối với đương sự vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật) để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục Phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- Thi hành án DS Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên, đóng dấu

VŨ THỊ LOAN